

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Quy hoạch phân khu Khu vực phía Đông kênh Phú Hữu Bãi Xàu, tỉnh Sóc Trăng, tỷ lệ 1/2.000

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 quy định một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 04/2008/QĐ-BXD ngày 03 tháng 4 năm 2008 của Bộ Xây dựng về việc ban hành “Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về quy hoạch xây dựng”;

Căn cứ Quyết định số 2789/QĐ-UBND ngày 22 tháng 10 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc điều chỉnh quy hoạch chung thành phố Sóc Trăng đến năm 2035 và tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 1163/QĐ-UBND ngày 23 tháng 4 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch phân khu Khu vực phía Đông kênh Phú Hữu Bãi Xàu, tỉnh Sóc Trăng, tỷ lệ 1/2.000;

Xét đề nghị của Sở Xây dựng tỉnh Sóc Trăng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch phân khu Khu vực phía Đông kênh Phú Hữu Bãi Xàu, tỉnh Sóc Trăng, tỷ lệ 1/2.000, với nội dung như sau:

1. Tên đồ án quy hoạch: Quy hoạch phân khu Khu vực phía Đông Kênh Phú Hữu Bãi Xàu, tỉnh Sóc Trăng, tỷ lệ 1/2.000.

2. Phạm vi ranh giới, diện tích khu vực lập quy hoạch:

a. Phạm vi:

Khu vực nghiên cứu lập quy hoạch có tổng diện tích 969,96ha, bao gồm một phần Phường 4, thành phố Sóc Trăng (khoảng 262,90ha), một phần xã Tân Thạnh,

huyện Long Phú (khoảng 164,92ha) và một phần xã Tài Văn, huyện Trần Đề (khoảng 542,14ha), tỉnh Sóc Trăng.

b. Ranh giới tứ cận:

- Phía Đông giáp: Đất nông nghiệp thuộc xã Tân Thạnh, huyện Long Phú và xã Tài Văn, huyện Trần Đề.

- Phía Nam giáp: Đất nông nghiệp thuộc xã Tài Văn, huyện Trần Đề và thị trấn Mỹ Xuyên, huyện Mỹ Xuyên.

- Phía Tây và phía Bắc giáp: Sông Đinh.

Trong đó:

- Khu vực nghiên cứu trực tiếp để tính toán các chỉ tiêu hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật với quy mô 649,96ha, bao gồm:

+ Khu vực thuộc Phường 4, thành phố Sóc Trăng diện tích khoảng 262,90ha.

+ Khu vực thuộc xã Tân Thạnh, huyện Long Phú diện tích khoảng 132,10ha.

+ Khu vực thuộc xã Tài Văn, huyện Trần Đề diện tích khoảng 254,69ha.

- Khu vực nghiên cứu mở rộng: Khu vực còn lại sẽ định hướng các trục khung phát triển để phục vụ cho công tác quản lý tại địa phương.

3. Tính chất khu vực lập quy hoạch: Tính chất, chức năng của khu vực lập quy hoạch như sau:

- Là phân khu có vai trò thúc đẩy phát triển đô thị phía Đông của thành phố Sóc Trăng.

- Định hướng phát triển các khu ở đô thị và các công trình thương mại, dịch vụ đô thị của khu vực từng bước đáp ứng theo tiêu chí đô thị loại II trong tương lai.

4. Các chỉ tiêu cơ bản:

4.1. Dự báo về quy mô dân số: Theo các cơ sở dự báo và tính toán của đơn vị tư vấn quy mô dân số khu vực nghiên cứu quy hoạch là 28.300 người.

4.2. Các chỉ tiêu cơ bản về kinh tế, kỹ thuật và sử dụng đất:

a. Các chỉ tiêu cơ bản về đất đai:

- Chỉ tiêu đất xây dựng đô thị tối đa: 230 m²/người.

- Chỉ tiêu đất dân dụng tối đa: 170 m²/người.

- Chỉ tiêu đất xây dựng các công trình dịch vụ công cộng đô thị ≥ 5 m²/người.

- Chỉ tiêu đất đơn vị ở: $8 \div 50$ m²/người.

- Chỉ tiêu đất cây xanh: ≥ 6 m²/người.

- Chỉ tiêu đất giao thông: ≥ 13 m²/người.

b. Các chỉ tiêu về hạ tầng kỹ thuật

- Phụ tải điện sinh hoạt: 500 W/người.

- Cấp nước sinh hoạt: ≥ 125 lít/người/ngày-đêm.

- Thoát nước bản: 80% lượng nước cấp cho sinh hoạt.

- Chất thải rắn: 1,0 kg/người-ngày.

5. Định hướng quy hoạch phân khu:

5.1. Phân khu chức năng: Bao gồm các khu chức năng chính sau:

- Các khu hiện hữu cải tạo và chỉnh trang.
- Đất đơn vị ở.
- Đất công trình công cộng, thương mại dịch vụ hỗn hợp.
- Đất giáo dục.
- Đất thể dục thể thao.
- Đất công viên, cây xanh, cảnh quan mặt nước.
- Đất hỗn hợp.
- Đất hạ tầng kỹ thuật, giao thông, sân đường, bến bãi...

5.2. Tổ chức quy hoạch các vùng chức năng: Khu vực quy hoạch được định hướng có 5 vùng chức năng chính:

- Vùng 1: Nằm phía Nam trục Đường tỉnh 934B (kết nối từ trung tâm thành phố Sóc Trăng đến thị trấn Trần Đề), tiếp giáp Kênh Mương Tra, Kênh Trinh Xương và Rạch Cái Xe. Tập trung các công trình công cộng, trung tâm thương mại dịch vụ hỗn hợp, giáo dục và đào tạo, công viên cây xanh... phục vụ khu vực quy hoạch và dân cư lân cận.

- Vùng 2: Là các khu vực hiện hữu chủ yếu nằm dọc Kênh Mương Tra và Kênh Phú Hữu Bãi Xàu gồm các công trình nhà ở và các công trình dân dụng khác, công trình công cộng (Trường học, nhà sinh hoạt cộng đồng,...) đang hoạt động, được cải tạo chỉnh trang và định hướng phát triển đa dạng các chức năng để phục vụ cho đô thị.

- Vùng 3: Khu vực phát triển hỗn hợp các loại hình thương mại, dịch vụ du lịch và các công trình phụ trợ phục vụ thương mại, dịch vụ, du lịch... Chủ yếu nằm ở phía Bắc Đường tỉnh 934B tiếp giáp ngã ba Sông Saintard (Kênh Phú Hữu Bãi Xàu), Sông Maspero, Kênh Mương Tra.

- Vùng 4: Phát triển chủ yếu các khu dịch vụ, du lịch và phụ trợ ở phía Nam Đường tỉnh 934B, dọc Kênh Phú Hữu Bãi Xàu và Kênh Mương Tra, tiếp giáp ranh giới thị trấn Mỹ Xuyên. Tận dụng các lợi thế về địa hình và cảnh quan kênh rạch sẵn có. Giữ gìn và cải tạo hệ thống kênh rạch, đảm bảo cân bằng môi trường sinh thái, thích ứng với biến đổi khí hậu, đồng thời phát huy hệ thống giao thông đường thủy, kết hợp với các hoạt động du lịch giải trí. Trong đó, được chia thành 02 khu vực sau:

+ Phía Tây Kênh Trinh Xương định hướng phát triển hỗn hợp các loại hình công trình có tính chất dịch vụ du lịch nghỉ dưỡng sinh thái, du lịch kết hợp nông nghiệp công nghệ cao, tham quan và nghiên cứu sinh học nông nghiệp, tham quan vùng trồng cây ứng dụng nông nghiệp công nghệ cao... hoặc các công trình phụ trợ phục vụ dịch vụ du lịch.

+ Phía Đông Kênh Trinh Xương và Kênh Mương Tra hình thành các khu nhà vườn, homestay, khu ở liên kế vườn, biệt thự đơn lập.

- Vùng 5: Là khu vực dự trữ phát triển cho đô thị hoặc kết hợp phát triển nông nghiệp công nghệ cao phục vụ đô thị du lịch sinh thái. Chủ yếu thuộc địa phận xã Tài Văn, huyện Trần Đề, nằm dọc Kênh Mương Tra, Rạch Cái Xe, tiếp

giáp thị trấn Mỹ Xuyên.

5.3. Tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan:

** Khu hiện hữu của đô thị được chỉnh trang:*

Đối với những công trình hiện có đã xuống cấp cần xây dựng cải tạo chỉnh trang tạo bộ mặt cho khu vực. Những công trình xây dựng mới cần tuân thủ các quy định quản lý xây dựng của địa phương. Từng bước xây dựng công trình công cộng đô thị tạo động lực phát triển cho khu vực.

** Đối với những khu quy hoạch mới:*

a. Giải pháp tổ chức không gian, kiến trúc cảnh quan:

Các khu chức năng trong khu vực quy hoạch mới là một tổng thể bố cục kiến trúc cảnh quan hài hòa, một đô thị hiện đại, mang đặc trưng tính chất dịch vụ du lịch với hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội đồng bộ, đảm bảo các tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành. Thiết kế phải thích dụng cao, phù hợp cảnh quan tự nhiên, khai thác tối đa không gian dọc theo các kênh thủy lợi, tạo cảnh quan đẹp, đảm bảo cân bằng môi trường sinh thái, thích ứng với biến đổi khí hậu nước biển dâng, đồng thời phát huy hệ thống giao thông đường thủy, kết hợp với các hoạt động du lịch giải trí.

b. Kiến trúc cảnh quan của các khu vực chính:

- Đối với khu vực trung tâm: Bố cục không gian kiến trúc có nhịp điệu, có sự chuyển đổi hợp lý về hình khối kiến trúc, giữa công trình thấp tầng và cao tầng, làm nổi bật các công trình điểm nhấn trong trung tâm. Tuân thủ các quan điểm tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan, tạo lập hình ảnh đô thị hiện đại hài hòa thiên nhiên, giữ được bản sắc văn hoá của địa phương.

- Đối với đơn vị ở: Kiến trúc hiện đại, có thể mang nét đặc trưng của vùng miền. Màu sắc trung tính, thẩm mỹ, hài hòa. Riêng nhà ở trong các khu có quy hoạch chi tiết thì căn cứ theo quy định cụ thể trong đồ án quy hoạch chi tiết.

- Đối với khu công cộng, thương mại dịch vụ, hỗn hợp: Kiến trúc hiện đại, sử dụng hình khối lớn. Màu sắc phù hợp với lịch sử đô thị, cảnh quan thiên nhiên, tập quán và sự cảm thụ của người dân bản địa.

- Đối với khu vực có tính chất dịch vụ du lịch: Kiến trúc mang tính thẩm mỹ cao, có thể kết hợp yếu tố bản sắc văn hóa, hài hòa với cảnh quan xung quanh. Màu sắc phù hợp với lịch sử đô thị, cảnh quan thiên nhiên, tập quán và sự cảm thụ của người dân bản địa.

- Đối với không gian mở là công viên cây xanh, mặt nước, cảnh quan: Quy hoạch hệ thống công viên cây xanh công cộng tập trung và các tuyến cây xanh cảnh quan trong hành lang bảo vệ cho các con sông, kênh rạch, hồ và hệ thống thủy lợi. Tạo lập không gian mở có hệ thực vật đa dạng phong phú, kết hợp các không gian mặt nước và không gian xanh trong đô thị. Các công trình kiến trúc phụ trợ phải có sự kết hợp hài hòa về không gian, khối tích, hình khối, màu sắc,... hài hòa với đặc điểm địa hình tự nhiên mang tính chất vùng miền. Bảo tồn, khai thác, phát huy cảnh quan mặt nước tự nhiên và bảo vệ môi trường sinh thái tại địa phương.

- Đối với các trục chính:

+ Trục Đường tỉnh 934B là trục giao thông chính theo hướng từ Đông sang Tây và Đường tỉnh 935B là trục giao thông chính của khu vực quy hoạch theo hướng Tây Bắc – Đông Nam.

+ Trục đường Đường D3 đóng vai trò là trục giao thông kết nối các khu chức năng chính của khu vực theo hướng Tây Bắc – Đông Nam cũng là trục cảnh quan chính của khu vực.

+ Các khu vực chức năng của đô thị được thiết kế với đặc thù riêng nhưng không gian, kiến trúc cảnh quan không được phá vỡ hình thái bố cục của khu vực mà phải tạo ra sự hài hoà các yếu tố tự nhiên - nhân tạo. Đối với công trình hỗn hợp cao tầng, thương mại dịch vụ, giáo dục, thể dục thể thao, công trình có tính chất dịch vụ du lịch phải có khoảng lùi tối thiểu 6 – 10m (tùy theo lộ giới đường và quy mô công trình đảm bảo mỹ quan và cảnh quan trục đường). Kết nối các không gian cây xanh tập trung với không gian cây xanh mặt nước dọc các trục chính, hình thành mạng lưới không gian xanh cho đô thị.

- Đối với các điểm nhấn:

+ Điểm nhấn cảnh quan chính toàn khu là công viên tập trung giao giữa Kênh Trịnh Xương và Kênh Mương Tra và trục đường D3 nối các khu công viên ven kênh và trục cảnh quan ven Kênh Phú Hữu Bãi Xàu có điểm đầu điểm cuối kết thúc bằng các công viên cây xanh bờ sông.

+ Các công trình điểm nhấn được bố trí tại những điểm thu hút điểm nhìn tốt hoặc tại giao lộ lớn như Đường tỉnh 934B và đường Đường tỉnh 935B. Hình thức kiến trúc có thẩm mỹ cao, phù hợp bản sắc văn hoá, cảnh quan thiên nhiên và sự cảm thụ của người dân địa phương.

5.4. Cơ cấu sử dụng đất:

STT	KÍ HIỆU	LOẠI ĐẤT	KHU VỰC NGHIÊN CỨU TRỰC TIẾP		NGOÀI KHU VỰC NGHIÊN CỨU TRỰC TIẾP		TOÀN RANH GIỚI KHU VỰC	
			DIỆN TÍCH (ha)	TỶ LỆ(%)	DIỆN TÍCH (ha)	TỶ LỆ(%)	DIỆN TÍCH (ha)	TỶ LỆ(%)
I		ĐẤT DÂN DỤNG	478,04	73,55			480,58	49,55
1	HT	Đất hiện trạng cải tạo & chỉnh trang	64,60	9,94			64,60	6,66
2	ODT	Đất đơn vị ở	92,09	14,17			92,09	9,49
3	CC	Đất CTCC TM-DV HH	27,95	4,30			27,95	2,88
4	GD	Đất giáo dục	18,17	2,80			18,17	1,87
	MG1	Mẫu giáo 1	2,71				2,71	
	MG2	Mẫu giáo 2	1,38				1,38	
	TH	Tiểu học	5,09				5,09	
	THCS	Trung học cơ sở	4,54				4,54	
	THPT	Trung học phổ thông	4,27				4,27	

		<i>Trường học hiện trạng</i>	0,18				0,18	
5	CX	Đất công viên - cây xanh	18,86	2,90	2,54	0,79	21,40	2,21
6	TT	Đất văn hóa, thể dục thể thao	3,14	0,48			3,14	0,32
7	HH	Đất hỗn hợp	216,36	33,29			216,36	22,31
8		Đất giao thông	36,87	5,67			36,87	3,80
II		ĐẤT NGOÀI DÂN DỤNG	171,92	26,45			489,38	50,45
1	TG	Tôn giáo	0,00	0,00	0,02	0,01	0,02	0,00
2		Mặt nước + cây xanh	49,46	7,61	15,30	4,78	64,76	6,68
3		Đất hạ tầng	0,04	0,01	1,50	0,47	1,54	0,16
4		Đất giao thông đối ngoại	25,15	3,87	38,29	11,96	63,44	6,54
5	DT	Đất dự trữ phát triển	97,27	14,97	262,35	81,98	359,62	37,08
TỔNG			649,96	100	320,00	100	969,96	100,00

6. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

6.1. Chuẩn bị kỹ thuật:

a. San nền:

- Cao độ san lấp thiết kế $\geq +1,80m$.
- Hướng dốc san nền chính tận dụng theo địa hình tự nhiên dốc về các sông, kênh, rạch hiện hữu.

b. Quy hoạch thoát nước mưa: Khu vực quy hoạch được phân thành 03 lưu vực thoát nước theo hướng dốc san nền. Sử dụng hệ thống cống tròn bê tông cốt thép tiết diện D800 để thoát nước; hệ thống cửa xả bố trí thoát ra Kênh Phú Hữu Bãi Xàu, Rạch Cái Xe, Kênh Mương Tra, Kênh Trịnh Xương và kênh thủy lợi (Kênh Trịnh Xương nối dài).

6.2. **Giao thông:** Hệ thống giao thông khu vực quy hoạch được tổ chức như sau:

a. Giao thông đường bộ:

* Giao thông đối ngoại:

- Đường tỉnh 934B lộ giới 34m, là trục giao thông chính theo hướng từ Đông sang Tây của khu vực quy hoạch. Kết nối thị trấn Trần Đề từ Quốc lộ Nam Sông Hậu qua dự án cầu qua Kênh Phú Hữu Bãi Xàu đến đường Mạc Đĩnh Chi hướng vào trung tâm thành phố Sóc Trăng.

- Đường tỉnh 935B lộ giới 25m, là trục giao thông chính của khu vực quy hoạch theo hướng Tây Bắc – Đông Nam. Kết nối từ huyện Long Phú đến Đường tỉnh 934, thị trấn Mỹ Xuyên.

- Đường huyện 29 lộ giới 25m. Kết nối từ đường cặp Kênh Phú Hữu Bãi Xàu đi về hướng huyện Trần Đề.

- Đường huyện 36 lộ giới 24m. Kết nối từ đường ven Kênh Phú Hữu Bãi Xàu đi về hướng thị trấn Mỹ Xuyên.

* Giao thông đối nội:

- Đường cấp khu vực:

+ Đường D3 lộ giới 30m, đóng vai trò là trục chính cảnh quan của khu vực. Kết nối từ khu vực ngã tư Sông Saintard (Kênh Phú Hữu Bãi Xàu) về hướng thị trấn Mỹ Xuyên).

+ Đường Cái Xe lộ giới 25m, kết nối từ ranh quy hoạch phía Đông Bắc qua Đường tỉnh 934B, dọc theo rạch Cái Xe đi về hướng thị trấn Mỹ Xuyên.

+ Đường Mương Tra 1 lộ giới 25m, kết nối từ Đường tỉnh 935B đi về hướng Mỹ Xuyên.

- Đường cấp nội bộ: Các trục đường còn lại lộ giới từ 14 ÷ 19m.

BẢNG THỐNG KÊ GIAO THÔNG

ST T	TÊN ĐƯỜNG	LỘ GIỚI (m)	MẶT ĐƯỜNG (m)	VỈA HÈ (m)	KHOẢNG LÙI (m)
1	ĐƯỜNG TỈNH 934B	34	10,5-3-10,5	5-5	<p>- Đối với công trình hỗn hợp cao tầng, thương mại dịch vụ, giáo dục, thể dục thể thao, công trình có tính chất dịch vụ du lịch có khoảng lùi tối thiểu 6 – 10m (tùy theo lộ giới đường và quy mô công trình đảm bảo mỹ quan và cảnh quan trục đường).</p> <p>- Đối với các công trình còn lại xác định khoảng lùi theo quy định tại QCXDVN 01: 2008/BXD</p>
2	ĐƯỜNG D3	30	7-6-7	5-5	
3	ĐƯỜNG TỈNH 935B	25	15	5-5	
4	ĐƯỜNG MƯƠNG TRA 1	25	15	5-5	
5	ĐƯỜNG HUYỆN 29	25	15	5-5	
6	ĐƯỜNG CÁI XE	25	15	5-5	
7	ĐƯỜNG HUYỆN 36	24	14	5-5	
8	ĐƯỜNG N1-A	19	9	5-5	
9	ĐƯỜNG N1-B	19	9	5-5	
10	ĐƯỜNG N2-A	19	9	5-5	
11	ĐƯỜNG N2-B	19	9	5-5	
12	ĐƯỜNG N3	19	9	5-5	
13	ĐƯỜNG N4	19	9	5-5	
14	ĐƯỜNG N5	19	9	5-5	
15	ĐƯỜNG D2	19	9	5-5	
16	ĐƯỜNG D1	14	9	BỜ-5	
17	ĐƯỜNG MƯƠNG TRA 2	14	9	BỜ-5	
18	ĐƯỜNG MƯƠNG TRA 3	14	9	BỜ-5	

- Cầu qua sông:

+ Trong khu vực quy hoạch đã có dự án cầu qua Kênh Phú Hữu Bãi Xàu kết nối tuyến đường Mạc Đình Chi với Đường tỉnh 934B.

+ Đề xuất cầu cảnh quan kết nối từ đường N2-A trong khu vực quy hoạch với Khu hành chính đô thị Sóc Trăng (Phường 4, thành phố Sóc Trăng). Hình thành trục cảnh quan, cây xanh thể dục thể thao xuyên suốt giữa các khu vực.

b. Giao thông đường thủy:

- Nâng cấp, cải tạo, bố trí 02 bến khách ngang sông tại vị trí có công viên bờ sông, để kết hợp tạo cảnh quan liên hoàn trên bến dưới thuyền nhưng vẫn đảm bảo tuân thủ theo quy hoạch phát triển kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa và bến khách ngang sông của ngành giao thông vận tải.

- Khởi thông, nạo vét, mở rộng các tuyến kênh, sông trong vùng quy hoạch và lân cận đảm bảo cho các phương tiện đi lại phục vụ du lịch, giải trí...

6.3. Cấp nước:

- Nguồn cấp: Trong giai đoạn hiện tại tiếp tục sử dụng trạm cấp nước hiện hữu. Về lâu dài, từng bước đầu tư nâng cấp trạm cấp nước số 3, trên đường Bạch Đằng, Phường 9, thành phố Sóc Trăng (theo định hướng quy hoạch chung thành phố Sóc Trăng) để cung cấp nước cho khu vực, đảm bảo chỉ tiêu phục vụ cho toàn khu.

- Lưu lượng nước cấp: Tổng nhu cầu cấp nước cho khu quy hoạch được dự báo khoảng 5.000m³/ngày-đêm.

- Hệ thống ống cấp: Sử dụng hệ thống ống (tiết diện $\Phi 300$, $\Phi 200$ và $\Phi 110$) để cấp nước cho khu quy hoạch.

6.4. Thoát nước thải và vệ sinh môi trường:

a. Thoát nước thải:

- Lưu lượng nước thải: Theo dự báo tổng lưu lượng nước thải của khu quy hoạch khoảng 3.100m³/ngày-đêm, bao gồm nước thải sinh hoạt và nước thải công trình công cộng.

- Giải pháp thoát nước:

+ Trong giai đoạn hiện tại, khu vực quy hoạch được định hướng thoát nước theo hình thức phi tập trung. Nguồn nước thải trong khu vực sẽ được thu gom, xử lý tại nguồn thoát, sau khi xử lý đạt tiêu chuẩn sẽ được thải ra hệ thống sông ngòi, kênh rạch gần nhất. Tương lai khi nhà máy xử lý nước thải tập trung công suất 8.000m³/ngày-đêm nằm cạnh Kênh Tiếp Nhật được đầu tư thì nước thải khu vực sẽ được thu gom tập trung về nhà máy này để xử lý (theo định hướng quy hoạch chung).

+ Nước thải được thoát theo 03 lưu vực về 03 trạm xử lý nước. Sử dụng hệ thống công tròn tiết diện D300 và D600 để thoát nước.

b. Chất thải rắn:

- Dự báo khối lượng chất thải phát sinh: Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng 28 tấn/ngày.

- Giải pháp thu gom: Chất thải rắn được phân loại tại nguồn nhằm giảm khối lượng thu gom vận chuyển, sau đó được thu gom, vận chuyển đến khu liên hợp xử lý chất thải rắn - cấp 1 của thành phố Sóc Trăng và vùng phụ cận.

6.5. Cấp điện:

- Tính toán phụ tải điện: Theo tính toán về các chỉ tiêu và nhu cầu cấp điện, dự báo nhu cầu phụ tải điện của khu quy hoạch là 19.100 kW.

- Nguồn điện: Nguồn điện cung cấp cho khu quy hoạch được đấu nối từ đường dây 22kV của mạng lưới quốc gia trên các trục đường hiện trạng trong khu

quy hoạch.

7. Danh mục dự án, công trình xây dựng trong khu vực quy hoạch:
Danh mục các dự án ưu tiên thực hiện trong khu vực quy hoạch bao gồm:

- Cầu qua Kênh Phú Hữu Bãi Xàu: Nguồn vốn ngân sách.
- Đường tỉnh 934B và Đường tỉnh 935B: Nguồn vốn ngân sách.
- Triển khai các dự án phát triển đô thị (Kêu gọi đầu tư các khu dịch vụ, du lịch sinh thái, có thể kết hợp nông nghiệp công nghệ cao; Kêu gọi đầu tư các khu ở mới; Kêu gọi đầu tư và từng bước triển khai các công trình công cộng dịch vụ đô thị, các khu thương mại, dịch vụ, chợ): Vốn ngân sách và vốn xã hội hóa.
- Từng bước đầu tư đồng bộ các trục đường giao thông chính cùng với hệ thống cấp điện, chiếu sáng, cấp nước, thoát nước... trong khu vực lập quy hoạch: Vốn ngân sách.
- Từng bước đầu tư công viên cây xanh, xây dựng bổ sung các công trình giáo dục đảm bảo chỉ tiêu khi dân số tăng: Vốn ngân sách hoặc xã hội hóa.

Điều 2.

1. Giao Sở Xây dựng phối hợp với đơn vị tư vấn hoàn chỉnh hồ sơ quy hoạch theo Biên bản thẩm định, đồng thời cung cấp đầy đủ hồ sơ cho địa phương và các đơn vị liên quan theo quy định.

2. Ủy ban nhân dân thành phố Sóc Trăng, huyện Long Phú, huyện Trần Đề có trách nhiệm phối hợp với Sở Xây dựng tổ chức công bố công khai đề án quy hoạch này theo quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Xây dựng, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Giao thông vận tải, Kho bạc Nhà nước tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Sóc Trăng, huyện Long Phú, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: XD, VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Trần Văn Chuyên